

Bản án số: 38/2018/HS-ST

Ngày: 31/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Ngôn

Thẩm phán: Ông Phan Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Phạm Đắc Mỹ Trân

2/ Ông Phạm Văn Hải

3/ Ông Thiệu Đình Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Thắng Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 635/2017/HSST, ngày 15/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐXXS-HS, ngày 04/01/2018 đối với bị cáo:

Trần Phú T; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường H, Phường M, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; Ở: Tổ C, ấp T, xã A, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Phú B và bà Võ Thị H; Hoàn cảnh gia đình: có vợ là bà Nguyễn Thị Tú T (chết) và 02 người con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày: 02/7/2017 - Có mặt.

- Người bào chữa:

Bà Nguyễn Kim Liên thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Phú T - Có mặt.

- Người bị hại:

Bà Nguyễn Thị Tú T

Sinh năm: 1990 (đã chết)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Võ Thị Hoàng Sinh năm: 1965
Thường trú: ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

- Đại diện hợp pháp của người bị hại:

Bà Thái Thị Kim M Sinh năm: 1958
Thường trú: , khu phố B, phường J, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.
Là mẹ ruột của người bị hại Nguyễn Thị Tú Tr - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2006, Trần Phú T và chị Nguyễn Thị Tú T sống chung với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn, có hai người con chung là Trần Phú L (sinh năm 2007) và Trần Phú N (sinh năm 2013). Đến tháng 3/2017, T cùng chị T sống tại nhà không số, tổ C ấp T, xã A, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 6/2017, T nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác nên giữa hai người xảy ra mâu thuẫn. Chị T đưa hai con về sống với mẹ ruột tên Thái Thị Kim M tại nhà số tổ H, khu phố B, phường J, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 30/6/2017, T đến nhà bà M đưa cháu L và N về sống tại nhà của T tại nhà không số, tổ C ấp T, xã A, huyện H.

Khoảng 19 giờ, ngày 02/7/2017, chị T đến đưa hai con về nhà mẹ ruột tại phường J, Quận L. Đến khoảng 19 giờ 50 cùng ngày, sau khi đi công chuyện về, T biết chị T đã đón hai con đi nên T xuống bếp lấy con dao Thái Lan dài khoảng 23,5cm, mũi nhọn, lưỡi dao dài 11,7cm bỏ vào cốp xe máy biển số: 51U9-5207 với ý định đến nhà bà M để tìm chị T đòi lại con. Nếu chị T không đồng ý sẽ dùng dao đâm gây thương tích khiến chị T sợ mà giao con lại cho T. Đến khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày, T điều khiển xe máy đến nhà bà M nhưng không gặp được chị T nên T quay xe ra đầu hẻm, dừng xe sát tường nhà số tổ S, khu phố B, phường J, Quận L để đợi chị T về. Khoảng 15 phút sau, chị T điều khiển xe máy Vision, biển số: 59G2-001.09 chở cháu L và N về đến đầu hẻm thì bị T chặn lại. T rút chìa khóa xe của chị T và yêu cầu chị T giao hai con cho T nhưng chị T không đồng ý. T đi đến xe máy của mình lấy con dao Thái Lan từ trong cốp xe ra cầm bằng tay trái và tiến đến chỗ chị T. Thấy T cầm dao, cháu L và N xuống xe, còn chị T thì vẫn ngồi trên xe. T đi về phía bên phải rồi vòng ra phía sau lưng chị T dùng dao đâm nhiều nhát vào tay trái của chị T khiến chị T và xe máy ngã về phía bên trái, T dùng tay phải kéo chị T lại khiến T cũng té theo và rơi dao xuống đất. Chị T ngồi dậy thì T nhặt dao lên cầm bằng tay phải, dùng tay trái giữ đầu chị T lại và dùng dao đâm 01 nhát vào vai

trái, 01 nhát vào vai phải, 01 nhát vào lưng và 02 nhát vào gáy của chị T. Thấy T đâm chị T, hai cháu L và N la lên nên người dân gần đó chạy đến. Anh Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 thấy T đang cầm dao đâm chị T nên la lên “Cướp, cướp”. T dùng dao đâm và cầm dao bỏ chạy ra đường Z hướng về đường Q. Khi chạy được khoảng 16m, T vứt dao xuống đường, ngồi xuống đất và cho rằng chị T là vợ của T, do chị T đi theo người khác nên T mới đâm chị T. Sau đó, Công an phường J, Quận L đến bắt giữ T và hung khí gây án. Chị T được đưa đến Bệnh viện F cấp cứu, đến 21 giờ cùng ngày thì tử vong.

* Tại bản Kết luận giám định số: 630-17 KLGD-PY ngày 11/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận giám định pháp y tử thi như sau: “- Nguyên nhân chết: Nguyễn Thị Tú T chết do sốc mất máu không hồi phục do vết thương đâm đứt động mạch chủ ngực”.

Vật chứng vụ án:

- Một con dao dài khoảng 23,5 cm, cán bằng gỗ màu nâu, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11,7cm, trên một mặt lưỡi có chữ Kiwi Brand Stainless Steel.

- Hai mẫu chất màu đỏ (nghi máu) thu tại hiện trường.

- Mẫu máu của nạn nhân Nguyễn Thị Tú T.

- Một xe gắn máy biển số 51U9-5207; số máy CR110FMH102896, số khung VTMPCH0011R-002896.

- Một xe gắn máy biển số: 59G2-001.09; số máy JF58E-0345653; số khung RLHJF5803EY459908 xe do chị T đứng tên đăng ký, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã trả xe trên cho bà M.

Về dân sự:

Bà Thái Thị Kim M (mẹ của nạn nhân T) là người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự.

Bản cáo trạng số: 420/CT-VKS-P2, ngày 02/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Phú T về tội “Giết người” theo điểm q khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Phú T phạm tội: “Giết người”.

Áp dụng điểm q khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Trần Phú T từ 18 (mười tám) năm tù đến 20 (hai mươi) năm tù.

Về dân sự:

Ghi nhận việc bà Thái Thị Kim M là người đại diện quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại không yêu cầu bồi thường dân sự.

Ghi nhận việc bà Võ Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang nuôi 02 con của bị cáo và không có yêu cầu cấp dưỡng.

Về vật chứng:

Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Phú T thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con của bị cáo còn nhỏ, hiện tại do bà nội đã già yếu, không có khả năng lao động nuôi dưỡng. Nguyên nhân xảy ra vụ án xuất phát từ việc bị cáo yêu thương con, muốn người bị hại quay về chung sống với mình, hành vi của bị cáo là bột phát, thiếu suy nghĩ. Do đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên một mức án khoan hồng và thấu tình đạt lý để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng và chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Bị cáo không bổ sung nội dung bào chữa của luật sư.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tuy nhiên, việc Cáo trạng số: 420/CT-VKS-P2, ngày 02/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Phú T phạm tội “Giết người” vì động cơ đê hèn quy định tại điểm q khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Bởi vì, động cơ để thực hiện hành vi phạm tội phải là động cơ xấu xa, thấp hèn, phản trắc, bội bạc, đáng khinh bỉ, không bận tâm tới danh dự, nhân phẩm, tư cách của một con người, cụ thể: giết chồng để lấy vợ hoặc giết vợ để lấy chồng nạn nhân, giết người tình mà biết họ đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm làm cha đứa trẻ... Như vậy, với hành vi trên của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Trần Phú T phạm tội “Giết người” có tính chất côn đồ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự mới phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Phú T khai nhận về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Trần Phú T có hành vi dùng con dao Thái Lan đâm nhiều nhất vào người của vợ là chị Nguyễn Thị Tú T, cố ý tước đoạt trái pháp luật tính mạng của chị T.

Hành vi của bị cáo Trần Phú T như vậy là phạm tội: “Giết người”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 93 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Phú T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến khách thể quan trọng được luật hình sự ưu tiên bảo vệ nghiêm ngặt đó là tính mạng, sức khỏe của công dân, nhưng bị cáo đã tước đi quyền sống của người khác một cách trái pháp luật. Vì vậy, để giữ gìn kỷ cương pháp luật, để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của mọi người, để củng cố niềm tin của nhân dân thì cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, đúng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Chỉ vì mâu thuẫn trong tình cảm, người bị hại Nguyễn Thị Tú T đưa hai con về chung sống với mẹ ruột của mình. Sau đó, bị cáo tới tìm chị T để đòi đưa hai con về nhà mình, chị T không đồng ý nên bị cáo Trần Phú T đã sử dụng

01 con dao Thái Lan đâm nhiều nhất vào người chị T làm chị T tử vong. Vì vậy, bị cáo đã phạm vào tội “Giết người” có tính chất côn đồ được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn có hai con nhỏ, phải nhờ mẹ ruột của bị cáo nuôi dưỡng. Do đó, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Thái Thị Kim M đại diện cho gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Xét, đây là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Võ Thị H là mẹ của bị cáo Trần Phú T hiện đang nuôi 02 con của bị cáo và không yêu cầu bị cáo cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 con dao dài khoảng 23,5 cm, cán bằng gỗ màu nâu, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 11,7cm, trên một mặt lưỡi có chữ Kiwi Brand Stainless Steel; 02 mẫu máu thu tại hiện trường; 01 mẫu máu của nạn nhân là tang vật của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe gắn máy biển số: 51U9-5207; SM: CR110FMH102896, SK: VTMPCH0011R-002896. Bị cáo Trần Phú T khai nhận năm 2016, T mua xe trên của một người đàn ông bán sắt vụn (không rõ lai lịch) trên đường P, quận G với giá 500.000 đồng (không có giấy mua bán) để làm phương tiện đi lại. Qua xác minh, xe trên không có thông tin về chủ sở hữu và thông tin dữ liệu xe bị mất cắp. Cơ quan CSĐT- Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả. Vì vậy, cần thông báo trên các phương tin thông tin đại chúng, sau 06 tháng kể từ ngày đăng báo nếu không có chủ sở hữu đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Riêng đối với biển số: 51U9-5207, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho xe gắn máy nhãn hiệu SUPRISEBEST, số khung: 28017614-MG110, số máy: 10322570-FMG, do anh Nguyễn Quang T (sinh năm 1972; thường trú tại đường V, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên đăng ký. Anh Nguyễn Quang T3 khai nhận vào năm 2002, anh T3 đã bán xe trên cho một người phụ nữ ở chợ O, quận X nhưng không rõ lai lịch, địa chỉ. Vì vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo **Trần Phú T** phạm tội “**Giết người**”.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trần Phú T **20 (hai mươi) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày: 02/07/2017.

- Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) con dao bị cong phần lưỡi, chiều dài con dao theo đường cong là 23,5cm (thực tế khoảng 22,5cm), mũi nhọn bị cong, bản lưỡi chỗ rộng nhất 1,9cm, lưỡi dao dài 11,7cm, trên một mặt lưỡi có chữ KIWI BRAND STAINLESS STEEL. Cán dao bằng gỗ màu nâu, trên cán có 01 con tán màu vàng và một đoạn dây kẽm dùng để cố định lưỡi và cán.

+ 02 (hai) mẫu máu thu tại hiện trường.

+ 01 (một) mẫu máu nạn nhân.

+ 01 (một) biên số: 51U9-5207.

Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với 01 (một) xe hai bánh gắn máy màu xanh; nhãn hiệu: không xác định; loại xe: 02 bánh; số loại: không có; biên số: 51U9-5207; số máy: CR110FMH102896 (ghi theo số cà); số khung: VTMPCH0011R-002896 (ghi theo số cà), sau 06 tháng kể từ ngày đăng báo nếu không có chủ sở hữu đến nhận thì tịch thu sung quỹ Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 62/18 ngày 20 tháng 11 năm 2017 tại kho đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND-TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PC53 - CA Tp. HCM; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đại diện hợp pháp của người bị hại; (1)
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; (1)
- Luật sư; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (22) (4)

Nguyễn Trung Ngôn